TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2025/DS - ST
Ngày: 29 - 4 - 2025
V/v: "*Tranh chấp nợ thẻ tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

1. Ông Nguyễn Minh Sơn;

2. Bà Mai Lương Anh.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Quang - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 335/2024/TLST - DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp nợ thẻ tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2025/QĐST - DS ngày 11/4/2025 giữa:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S; địa chỉ: Lầu H, B - B N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Văn T. Chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh L2 kiêm Trưởng phòng giao dịch Đ. *Có mặt.*

- *Bị đơn*: Ông Phạm Ngọc T1, sinh năm: 1979; địa chỉ: Lô F Khu Q, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt tại phiên toà.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của ông Đặng Văn T là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S thì:

Ngày 10/05/2023, ông Phạm Ngọc T1 có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Ông T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 205.283.026 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ 15/05/2023 đến ngày 14/06/2024, ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 78.463.419 đồng. Tuy nhiên kể từ thời điểm 15/06/2024, Ông T1 đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Ông T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 30/06/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Phạm Ngọc T1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S số tiền tạm tính đến ngày 27/4/2025 là: Số tiền nợ gốc chưa thanh toán: 189.890.745 đồng, Lãi trong hạn: 55.263.744 đồng, lãi quá hạn: 38.680.908 đồng, phí liên quan: 6.370.412 đồng. Tổng cộng là 290.205.810 đồng; yêu cầu ông T1 tiếp tục có trách nhiệm thanh toán các khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí phát sinh sau ngày 27/4/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã triệu tập hợp lệ các bên đương sự để tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng do bị đơn ông T1 vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, ông Đặng Văn T là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S yêu cầu ông Phạm Ngọc T1 có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 27/4/2025, số tiền nợ gốc là: 189.890.745 đồng, nợ lãi trong hạn là: 55.263.744 đồng, nợ lãi quá hạn là: 38.680.908 đồng, phí liên quan: 6.370.412 đồng. Tổng cộng là 290.205.810 đồng thể hiện theo bảng chi tiết tính lãi, phí thẻ tín dụng do Ngân hàng cung cấp đồng thời Ngân hàng yêu cầu ông T1 tiếp tục chịu lãi, phí theo thỏa thuận đề nghị cấp thẻ tín dụng đến khi thi hành xong khoản nợ. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, đương sự và Hội Đồng xét xử. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S về việc tranh chấp nợ thẻ

tín dụng đối với bị đơn ông Phạm Ngọc T1, ông T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S số tiền nợ gốc chưa thanh toán tính đến ngày 27/4/2025 là: 189.890.745 đồng, lãi trong hạn là: 55.263.744 đồng, lãi quá hạn là: 38.680.908 đồng, Các loại phí liên quan là: 6.370.412 đồng. Tổng cộng là 290.205.810 đồng và yêu cầu ông T1 tiếp tục chịu lãi từ ngày 27/4/ 2025 đến ngày thi hành xong khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ việc giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S và bị đơn ông Phạm Ngọc T1 có xác lập giao dịch dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng theo hình thức mở thẻ tín dụng, do quá trình bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên các bên phát sinh tranh chấp. Do vậy có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là *"Tranh chấp nợ thẻ tín dụng"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về tố tụng:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Phạm Ngọc T1, nhưng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Ngày 10/5/2023 ông Phạm Ngọc T1 đã ký giao dịch đề nghị phát hành thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S, theo yêu cầu mở thẻ của ông T1 thì Ngân hàng TMCP S đã cấp thẻ tín dụng cho ôn Thạch theo số thẻ 436438 - 2610, loại thẻ Visa Platinum Cashback, ngày phát hành 15/5/2023 với hạn mức mở thẻ là 200.000.000 đồng. Căn cứ theo bảng tính lãi, phí thẻ tín dụng do ngân hàng cung cấp cho Tòa án tại thời điểm xét xử thì thể hiện quá trình thực hiện giao dịch ông T1 đã phát sinh các giao dịch vay tiền với số tiền là rút ra nhiều lần tộng cộng là 205.283.026 đồng, số tiền ông T1 đã thanh toán cho ngân hàng đến nay là 83.444.754 đồng, số tiền dư nợ gốc tính đến ngày 27/4/2025 là 189.890.745 đồng.

[3.2] Quá trình thực hiện hợp đồng do ông Phạm Ngoc T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng thỏa thuận cho Ngân hàng TMCP S. Vì vậy, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông T2 có trách nhiệm thanh toán khoản

nợ gốc theo Hợp đồng đã ký là 189.890.745 đồng. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp nên có cơ sở chấp nhận.

[3.4] Về tiền lãi, phí: Căn cứ theo các bảng tính lãi, phí do Ngân hàng TMCP S thể hiện, tính đến ngày 27/4/2025 số tiền nợ lãi trong hạn là 55.263.744 đồng, lãi quá hạn là 38.680.908 đồng. Đồng thời yêu cầu các khoản tiền phí thường niên, phí chậm thanh toán, phí vượt hạn mức với số tiền được tính là 6.370.412 đồng (thể hiện theo bảng tính chi tiết đến ngày 27/4/2025 do Ngân hàng cung cấp). Đối với yêu cầu tính lãi của Ngân hàng TMCP S là phù hợp với thỏa thuận giữa hai bên theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng; phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Thống đốc Ngân hàng N nên cần chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về "*Tranh chấp nợ thẻ tín dụng*" đối với bị đơn ông Phạm Ngọc T1, buộc ông Phạm Ngọc T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tính đến ngày 27/4/2025 số tiền nợ gốc là: 189.890.745 đồng, L trong hạn: 55.263.744 đồng, L quá hạn: 38.680.908 đồng, P liên quan: 6.370.412 đồng. Tổng cộng là 290.205.810 đồng

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Ngọc T1 phải chịu án phí dân sự theo quy định trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 385, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 90, Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm c khoản 4, Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S về việc *"Tranh chấp nợ thẻ tín dụng"* đối với bị đơn ông Phạm Ngọc T1.

Buộc ông Phạm Ngọc T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S tổng số tiền là 290.205.810 đồng (*Hai trăm chín mươi triệu hai trăm lẻ năm ngàn tám trăm mười đồng*). Trong đó nợ gốc là: 189.890.745 đồng, lãi trong hạn: 55.263.744 đồng, lãi quá hạn: 38.680.908 đồng, phí liên quan: 6.370.412 đồng.

Kể từ ngày 27/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo thỏa thuận tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng.

2. Về án phí:

Ông Phạm Ngọc T1 phải chịu 14.510.290 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.194.000 đồng theo biên lai thu số 0001308 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp.Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Lương A - Nguyễn Minh Sơn Nguyễn Thị L1

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp.Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Loan

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp.Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Loan

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp.Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Loan

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp.Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
	Trần Thị Lan

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp.Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Lan